TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN 4** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 102/2022/DSST
Ngày 30/08/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng Tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/08/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/DSST ngày 14/04/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2022/QĐXXST-DS ngày 15/07/2022, quyết định hoãn phiên toà số 244/2022/QĐST-DS ngày 08/08/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trụ sở số B, đường N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Q, thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở số E, đường H, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 17/2022/UQ-CNQ4 ngày 17/02/2022):* Bà Trần Thị Lan T, sinh năm 1981 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Vương Chí K, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1980. Cùng cư trú số B, đường B, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau này gọi tắt là ngân hàng) trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 27/01/2021, bản tự khai ngày 26/04/2021, ngày 15/11/2021, ngày 20/06/2022 và ngày 30/08/2022:

1.1.1 Ngày 05/06/2020, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có ký hợp đồng tín dụng 202025434020 với Ngân hàng có nội dung: (i) **S**ố tiền vay 2 tỷ đồng. (ii) Lãi suất cố định 03 tháng đầu 8,5%/năm. Từ tháng 04 đến tháng 60, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của S1 cộng biên độ 3,5%/năm. Từ tháng 61 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của S1 cộng biên độ 4,5%/năm và lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần phù hợp với quy định của nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất được S1 điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh, nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. (iii) Phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ là tổng số tiền lãi của các giấy nhận nợ theo hợp đồng này và được tính theo số dư nợ thực tế vào cuối ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay. Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày đến hạn. Ngày trả lãi 01 hàng tháng. (iv) Thời hạn vay 300 tháng. (v) Thời hạn trả hết nợ 05/06/2045. (vi) Bảo đảm tiền vay (tài sản bảo đảm): Thế chấp toàn bộ BĐS tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 73, ấp D, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp số 008405 ngày 06/08/2020 tại phòng công chứng số A, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh V đất đai huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020.

Tính đến ngày 30/08/2022, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ ngân hàng các khoản: Nợ gốc 1.959.900.861 đồng; Lãi chuyển quá hạn 312.512.818 đồng; Lãi phạt và lãi quá hạn 45.726.070 đồng; tổng cộng là 2.318.139.749 đồng.

1.1.2 Ngày 06/06/2020, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, thông tin thẻ tín dụng như sau:

(i) Thẻ visa của ông Vương Chí K số 472074-7474, số tài khoản 3422257042 với hạn mức sử dụng là 20 triệu đồng. Tính đến ngày 30/08/2022, ông Vương Chí K còn phải thanh toán khoản dư nợ thẻ tín dụng cho ngân hàng là 32.739.387 đồng.

(ii) Thẻ visa của bà Nguyễn Thị Thanh T1 số 472074-5935, số tài khoản 3104120005 với hạn mức sử dụng là 30 triệu đồng. Tính đến ngày 30/08/2022, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải thanh toán khoản dư nợ thẻ tín dụng cho ngân hàng là 48.398.411 đồng.

1.1.3 Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán các khoản nợ vay, nhưng ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 không thanh toán. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

(i) Buộc ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả ngay cho ngân hàng số tiền: Nợ gốc 1.959.900.861 đồng; L chuyển quá hạn 312.512.818 đồng; Lãi phạt và lãi quá hạn 45.726.070 đồng; tổng cộng là 2.318.139.749 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

(ii) Buộc ông Vương Chí K phải trả ngay cho ngân hàng số tiền là 32.739.387 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng thẻ tín dụng.

(iii) Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả ngay cho ngân hàng số tiền là 48.398.411 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng thẻ tín dụng.

(iv) Trường hợp ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 không trả nợ thì cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm, nếu tiền bán tài sản không đủ số tiền phải trả thì ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

1.2 Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/11/2021 và ngày 20/06/2022, ngân hàng không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm những người tham gia tố tụng và vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

1.3 Ngày 19/07/2022, ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

3. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/05/2022 tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 73, địa chỉ ấp D, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Xây tường rào bằng gạch toàn bộ diện tích đất, có cổng và có nhà mái tôn, 01 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh, không có người ở.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà. (i). Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử. (ii). Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I. Về tố tụng

1. Ông Vương Chí K sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1980 cùng cư trú số B, đường B, phường B, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điều 28 khoản 1, điều 35, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 vẫn vắng mặt không vì

sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Ngân hàng có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Xét yêu cầu của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1.1 Căn cứ: (i) Hợp đồng tín dụng 202025434020, giấy nhận nợ số LD2015700381 ngày 05/06/2020, (ii) Hợp đồng thế chấp số 008405 ngày 06/08/2020 tại phòng công chứng số A, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh V đất đai huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020. (iii) Trình bày của ngân hàng, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 tính đến ngày 30/08/2022 còn nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng 202025434020 số tiền là: Nợ gốc 1.959.900.861 đồng; L chuyển quá hạn 312.512.818 đồng; Lãi phạt và lãi quá hạn 45.726.070 đồng; tổng cộng là 2.318.139.749 đồng.

1.2 Căn cứ: (i) Thẻ visa của ông Vương Chí K số 472074-7474, số tài khoản 3422257042. (ii) Thẻ visa của bà Nguyễn Thị Thanh T1 số 472074-5935, số tài khoản 3104120005. (iii) Trình bày của ngân hàng, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, tính đến ngày 30/08/2022, ông Vương Chí K còn nợ ngân hàng số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 32.739.387 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ ngân hàng số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 48.398.411 đồng.

1.3 Về tiền lãi: Điều 3 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy đinh "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa các luật tổ chức tín dụng và các luật khác có liên quan ... thì áp dụng theo quy định của luật tổ chức tín dụng".* Điều 91 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau: (i) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả. (ii) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp*

với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng". Theo đó, Ngân hàng là tổ chức tín dụng và ông Vương Chí K, bà Nguyễn Thị Thanh T1 thoả thuận lãi suất được áp dụng theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.4 Về yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu toà án buộc ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, Toà án không có thẩm quyền ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận. Mặt khác, yêu cầu của ngân hàng không đúng với quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

1.5 Xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008405, ngày 06/08/2020 tại phòng C, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN 0908957, thửa đất số 493, tờ bản đồ số 73, địa chỉ ấp D, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 100,3m2, hình thức sử dụng riêng, đất ở tại nông thôn, sử dụng lâu dài, cấp ngày 09/04/2020. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh V đất đai huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020. Do vậy, căn cứ vào điều 323 khoản 7 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định quyền của bên nhận thế chấp *"xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại điều 299 Bô luật này".* Điều 299 khoản 2 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm *"Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật",* nên yêu cầu của ngân hàng được phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 không trả nợ là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trên tài sản thế chấp hiện có một căn nhà, tuy nhiên theo điều 325 khoản 1 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Trường hợp ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả hết số tiền nợ, thì ngân hàng phải trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp và chấm dứt thế chấp tài sản.

2. Do yêu cầu của ngân hàng được hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ngân hàng, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng đã nộp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Điều 91 khoản 2 luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 khoản 2, điều 323 khoản 7 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

1.1 Buộc ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới cùng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 2.318.139.749 (Hai tỷ ba trăm mười tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm bốn chín) đồng. (Theo đó, tiền nợ gốc là 1.959.900.861 đồng; Tiền lãi chuyển quá hạn là 312.512.818 đồng; Tiền lãi phạt và lãi quá hạn là 45.726.070 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 202025434020 ngày 05/06/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.2 Buộc ông Vương Chí K phải trả cho ngân hàng số tiền là 32.739.387 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vương Chí K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-7474 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.3 Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả cho ngân hàng số tiền là 48.398.411 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-5935.

1.4 Trường hợp ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S phải giải chấp tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008405, ngày 06/08/2020 tại phòng C, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh V đất đai huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020.

1.5 Trường hợp ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008405, ngày 06/08/2020 tại phòng C, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN 0908957, thửa đất số 493, tờ bản đồ số 73, địa chỉ ấp D, xã N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 100,3m2, hình thức sử dụng riêng, đất ở tại nông thôn, sử dụng lâu dài, cấp ngày 09/04/2020. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh V đất đai huyện N, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020. Trường hợp, số tiền bán tài sản không đủ số tiền phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì ông Vương Chí K và

bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016.

2.1 Ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới cùng phải nộp là 78.362.795 (Bảy mươi tám triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi năm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ông Vương Chí K phải nộp là 1.636.969 (Một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3 Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải nộp là 2.419.921 (Hai triệu bốn trăm mười chín ngàn chín trăm hai mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4 Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 506.000 (năm trăm lẻ sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036309 ngày 29/03/2021; số tiền 753.000 (bảy trăm năm mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036310 ngày 29/03/2021; số tiền 35.674.000 (ba mươi năm triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036308 ngày 29/03/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Vương Chí K và bà Nguyễn Thị Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TANDTPHCM.
- VKSNDQ4
- THADSQ4.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 30/08/2022, tại phòng nghị án tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt - Hội thẩm nhân dân
3. Võ Thanh Nga - Hội thẩm nhân dân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/DSST ngày 14/04/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2022/QĐXXST-DS ngày 15/07/2022, quyết định hoãn phiên toà số 244/2022/QĐST-DS ngày 08/08/2022.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 khoản 2 luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 khoản 2, điều 323 khoản 7 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín:

1.1 Buộc ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy có trách nhiệm liên đới cùng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là 2.318.139.749 (Hai tỷ ba trăm mười tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm bốn chín) đồng. (Theo đó, tiền nợ gốc là 1.959.900.861 đồng; Tiền lãi chuyển quá hạn là 312.512.818 đồng; Tiền lãi phạt và lãi quá hạn là 45.726.070 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vương Trí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 202025434020 ngày 05/06/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

1.2 Buộc ông Vương Chí Kiệt phải trả cho ngân hàng số tiền là 32.739.387 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vương Chí Kiệt còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-7474 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.3 Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Thủy phải trả cho ngân hàng số tiền là 48.398.411 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-5935.

1.4 Trường hợp ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín phải giải chấp tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008405, ngày 06/08/2020 tại phòng công chứng số 01, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020.

1.5 Trường hợp ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 008405, ngày 06/08/2020 tại phòng công chứng số 01, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN 0908957, thửa đất số 493, tờ bản đồ số 73, địa chỉ ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 100,3m2, hình thức sử dụng riêng, đất ở tại nông thôn, sử dụng lâu dài, cấp ngày 09/04/2020. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/08/2020. Trường hợp, số tiền bán tài sản không đủ số tiền phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016.

2.1 Ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy có trách nhiệm liên đới cùng phải nộp là 78.362.795 (Bảy mươi tám triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi năm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ông Vương Chí Kiệt phải nộp là 1.636.969 (Một triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3 Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy phải nộp là 2.419.921 (Hai triệu bốn trăm mười chín ngàn chín trăm hai mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4 Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp 506.000 (năm trăm lẻ sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036309 ngày 29/03/2021; số tiền 753.000 (bảy trăm năm mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036310 ngày 29/03/2021; số tiền 35.674.000 (ba mươi năm triệu

sáu trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036308 ngày 29/03/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, ông Vương Chí Kiệt và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét đã đọc lại biên bản và ký tên.